

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

THÔNG TƯ

**Quy định về thủ tục hải quan đối với
phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Nghị định số 80/2009/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ quy định xe ô tô của người nước ngoài đăng ký tại nước ngoài có tay lái ở bên phải tham gia giao thông tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 27/2011/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về cung cấp, khai thác, xử lý, sử dụng thông tin về hành khách trước khi nhập cảnh Việt Nam qua đường hàng không;

Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 152/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ qui định về quản lý phương tiện cơ giới do người nước ngoài đưa vào Việt Nam du lịch;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 112/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định về quản lý cửa khẩu biên giới đất liền;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Phần I

HƯỚNG DẪN CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thủy nội địa, cửa khẩu đường sắt, cảng biển, cảng hàng không quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan; công chức hải quan.
2. Người khai hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.
3. Các cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý nhà nước về hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan* là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
2. *Hệ thống khai hải quan điện tử* là hệ thống thông tin do người khai hải quan sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
3. *Thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh* là thủ tục hải quan trong đó việc khai hải quan, tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và quyết định hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được thực hiện thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.
4. *Thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh* là thủ tục hải quan trong đó việc khai hải quan, tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và quyết định hoàn thành thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được thực hiện bằng hồ sơ giấy.
5. *Hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh* là việc cơ quan Hải quan xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan

điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

6. *Hệ thống quản lý phương tiện đường bộ xuất nhập cảnh* là phần mềm do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để cập nhật thông tin, theo dõi và làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập.

Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan

1. Đối với phương tiện vận tải đường biển.

a) Địa điểm tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan:

a.1) Trụ sở cơ quan hải quan thông qua Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan;

a.2) Trụ sở chính hoặc Văn phòng đại diện Cảng vụ hàng hải nơi có cơ quan hải quan trong trường hợp bất khả kháng không thực hiện được thủ tục hải quan điện tử (phải thực hiện thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy);

a.3) Tại tàu thuyền theo yêu cầu của Cảng vụ hàng hải trong trường hợp có đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của việc khai báo về kiểm dịch của tàu thuyền hoặc tàu thuyền đến từ những khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật hoặc thực vật.

b) Địa điểm kiểm tra thực tế phương tiện vận tải: tại cửa khẩu nơi phương tiện vận tải neo đậu theo chỉ định của Giám đốc Cảng vụ hàng hải.

2. Đối với phương tiện vận tải đường hàng không quốc tế: trụ sở cơ quan hải quan tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.

3. Đối với phương tiện vận tải đường sắt liên vận quốc tế: trụ sở cơ quan hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế.

4. Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa.

a) Trụ sở cơ quan hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa;

b) Địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan các nước láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ.

Điều 5. Người khai hải quan

1. Đối với phương tiện vận tải đường biển.

a) Thuyền trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp Hãng tàu hoặc Đại lý hãng tàu không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn gom hàng như mô tả chi tiết hàng hóa, người gửi hàng, người nhận hàng thì Công ty giao nhận phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn gom hàng đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Đối với phương tiện vận tải đường hàng không quốc tế.

a) Cơ trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (Hãng hàng không hoặc Đại lý hãng hàng không) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, nếu Hãng hàng không hoặc Đại lý hãng hàng không không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn gom hàng như mô tả chi tiết hàng hóa, người gửi hàng, người nhận hàng thì Công ty giao nhận phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn gom hàng đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

3. Đối với phương tiện vận tải đường bộ quốc tế: người điều khiển phương tiện vận tải hoặc Đại lý của người vận tải hoặc người đại diện cho đoàn đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư này.

4. Đối với phương tiện vận tải đường sắt liên vận quốc tế: Trưởng ga ga liên vận quốc tế hoặc Trưởng tàu hoặc người được Trưởng ga hoặc Trưởng tàu ga liên vận quốc tế ủy quyền.

Điều 6. Đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Đối tượng thực hiện.

a) Hãng hàng không có chuẩn dữ liệu phần mềm khai hải quan phù hợp với chuẩn dữ liệu do Tổng cục Hải quan công bố;

b) Hãng hàng không gửi Thông báo tham gia bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 1 Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này) gửi đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo tham gia của Hãng hàng không, Tổng cục Hải quan xem xét trả lời chấp nhận hoặc từ chối (nêu rõ lý do) thông qua Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan để Hãng hàng không biết;

d) Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Hãng hàng không, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Đại lý hãng hàng không và Công ty giao nhận. Khi nhận được thông báo cấp tài khoản của Tổng cục Hải quan hoặc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Hãng hàng không, Đại lý hãng hàng không, Công ty giao nhận chịu trách nhiệm trong việc thay đổi, bảo quản và sử dụng tài khoản được cấp.

2. Các Hãng hàng không chưa thực hiện thủ tục hải quan điện tử, việc làm thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy thực hiện theo quy định tại Mục 4, Chương II, Phần II Thông tư này.

Điều 7. Đăng ký tham gia thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

1. Đối tượng thực hiện.

a) Tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trừ các loại tàu nêu tại điểm b, khoản 1 Điều này;

b) Các loại tàu khác theo quy định tại Điều 50, Điều 58 Nghị định số 21/2012/NĐ-CP, tàu không có số hồ hiệu (số IMO) nếu phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật thì thực hiện thủ tục bằng hồ sơ giấy hướng dẫn tại Mục 4, Chương I, Phần II Thông tư này.

2. Thủ tục đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

a) Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Hãng tàu, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho Đại lý hãng tàu và Công ty giao nhận. Khi nhận được thông báo cấp tài khoản của Tổng cục Hải quan hoặc của Cục Hải quan tỉnh, thành phố, Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận chịu trách nhiệm trong việc thay đổi, bảo quản và sử dụng tài khoản được cấp;

b) Trường hợp Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận đã được cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử thì không phải đăng ký lại theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh

1. Khai hải quan và gửi thông tin khai hải quan đối với tàu biển, tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phải thực hiện trước khi tàu đến cảng và trước khi tàu rời cảng theo thời hạn quy định tại Điều 69 Luật Hải quan.

2. Việc xác nhận hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được quyết định trước khi tàu đến cảng hoặc rời cảng trên cơ sở thông tin khai hải quan.

Điều 9. Thu lệ phí làm thủ tục hải quan

1. Về đối tượng, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng lệ phí hải quan thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Địa điểm nộp: người khai hải quan thực hiện chuyển tiền, nộp tiền tại Kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng, tổ chức được cơ quan hải quan ủy nhiệm thu, cơ quan hải quan.

3. Hình thức nộp lệ phí hải quan.

a) Đối với phương tiện vận tải thực hiện thủ tục hải quan bằng hồ sơ giấy, người khai hải quan nộp lệ phí hải quan theo từng lần phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Đối với phương tiện vận tải thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức điện tử, người khai hải quan được lựa chọn nộp lệ phí theo từng lần phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này hoặc nộp lệ phí theo từng tháng. Thủ tục nộp lệ phí theo từng tháng thực hiện như sau:

b.1) Người khai hải quan có văn bản đăng ký với Chi cục Hải quan nơi phương tiện vận tải làm thủ tục hải quan về việc nộp lệ phí theo từng tháng và được Chi cục Hải quan chấp thuận;

b.2) Đến hết kỳ đăng ký, người khai hải quan nộp lệ phí hải quan cho các phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phát sinh trong kỳ.

Phần II HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chương I THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU BIỂN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Mục 1 THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BIỂN NHẬP CẢNH

Điều 10. Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan

1. Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh gồm các chứng từ theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

a) Bản khai chung theo mẫu số 1;

b) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển theo mẫu số 2;

c) Thông tin về vận đơn thứ cấp (house bill of lading) theo mẫu số 3;

d) Danh sách thuyền viên theo mẫu số 4;

đ) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển theo mẫu số 5;

e) Bản khai dự trữ của tàu theo mẫu số 6;

g) Danh sách hành khách (nếu có) theo mẫu số 7;

h) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp tàu biển vận chuyển hàng hóa nguy hiểm theo mẫu số 8.

3. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử.

a) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 66 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

b) Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần;

c) Phản hồi thông tin:

c.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

c.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh.

a) Người khai hải quan: thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung thực hiện trước hoặc sau khi tàu nhập cảnh;

b) Cơ quan hải quan:

b.1) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan;

b.2) Đối với sửa đổi, bổ sung bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn thứ cấp: hệ thống quản lý rủi ro của cơ quan hải quan sẽ tự động cập nhật thông tin sửa đổi, bổ sung để áp dụng biện pháp quản lý rủi ro phù hợp cho lô hàng khi làm thủ tục hải quan;

b.3) Đối với sửa các chứng từ khác: trường hợp sau khi tàu đã nhập cảnh, người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin khai, nếu có lý do chính đáng, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu quyết định cho phép khai sửa đổi, bổ sung thông tin.

5. Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy theo quy định tại Điều 15 Thông tư này. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

Điều 11. Thủ tục hải quan

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan.

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh;

a.2) Trường hợp thông tin khai hải quan chỉ có thông tin về vận đơn chủ (master bill) mà không có thông tin về vận đơn thứ cấp (house bill) thì vẫn hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, đồng thời yêu cầu người khai khai bổ sung thông tin về vận đơn thứ cấp (nếu có). Nếu có vận đơn thứ cấp mà người khai không khai vận đơn thứ cấp, cơ quan hải quan áp dụng biện pháp nghiệp vụ như không thông quan, hoặc không cho phép lô hàng nhập khẩu đưa ra khu vực giám sát hải quan;

a.3) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, cơ quan hải quan thực hiện thủ tục nhập cảnh cho tàu biển, tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống, lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan; đồng thời báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác có liên quan theo quy định;

a.4) Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng thì chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1, điểm a.2, điểm a.3 khoản 1 Điều này, sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan tàu” theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này dưới dạng điện tử cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng hải và cơ quan quản lý khác có liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan.

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan đối với tàu biển nhập cảnh;

b) Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan, gửi hồ sơ hải quan điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;

c) Khi tàu biển nhập cảnh đã vào vị trí neo đậu an toàn do Cảng vụ hàng hải chỉ định và sau khi hoàn tất thủ tục nhập cảnh với các cơ quan quản lý khác, người khai hải quan gửi Thông báo xác nhận tàu đến cảng bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu theo mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này. Thời điểm gửi Thông báo xác nhận tàu đến cảng được xác định là thời điểm hàng hóa nhập khẩu chuyên chở trên tàu đến cửa khẩu Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

Mục 2

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BIỂN XUẤT CẢNH

Điều 12. Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan

1. Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh gồm các chứng từ theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

a) Bản khai chung theo mẫu số 1;

b) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường biển theo mẫu số 2;

c) Danh sách thuyền viên theo mẫu số 4;

d) Bản khai hành lý thuyền viên, nhân viên làm việc trên tàu biển theo mẫu số 5;

đ) Bản khai dự trữ của tàu theo mẫu số 6;

e) Danh sách hành khách (nếu có) theo mẫu số 7;

3. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử.

a) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần;

c) Phản hồi thông tin:

c.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

c.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu biển xuất cảnh:

a) Người khai hải quan: thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu biển xuất cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung:

a.1) Đối với bản khai hàng hóa xuất khẩu: trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu xuất cảnh;

a.2) Các chứng từ khác phải thực hiện trước thời điểm tàu xuất cảnh. Trường hợp sau khi tàu đã xuất cảnh, người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin khai, nếu có lý do chính đáng, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu quyết định cho phép khai sửa đổi, bổ sung thông tin.

b) Cơ quan hải quan: Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

5. Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy theo quy định tại Điều 16 Thông tư này. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

Điều 13. Thủ tục hải quan

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan.

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển xuất cảnh;

a.2) Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng thì chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1, điểm a.2 khoản 1 Điều này, sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan tàu” theo mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này dưới dạng điện tử cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng hải và cơ quan quản lý khác có liên quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan.

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh;

b) Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan, gửi hồ sơ hải quan điện tử theo quy định tại Điều 12 Thông tư này;

c) Sau khi hoàn tất thủ tục xuất cảnh với các cơ quan quản lý, người khai hải quan gửi Thông báo xác nhận tàu rời cảng bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu theo mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này. Thời điểm gửi Thông báo xác nhận tàu rời cảng được xác định là thời điểm tàu và hàng hóa xuất khẩu chuyên chở trên tàu rời cảng Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

Mục 3

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BIỂN QUÁ CẢNH

Điều 14. Thủ tục hải quan

1. Trách nhiệm của người khai hải quan.

a) Khi tàu nhập cảnh: thực hiện tạo lập thông tin hồ sơ hải quan điện tử và thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu nhập cảnh quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này;

b) Khi tàu xuất cảnh: nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan tạo lập thông tin hồ sơ hải quan điện tử các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh và thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu xuất cảnh quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tàu nhập cảnh.

a) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;

b) Lập phiếu chuyển hồ sơ tàu quá cảnh theo mẫu số 01/PQC Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này, xác nhận bằng chữ ký số, gửi lên Hệ thống;

c) Niêm phong kho dự trữ và hầm hàng (nếu có điều kiện và khi cần thiết);

d) Kiểm tra trên Hệ thống kết quả làm thủ tục hải quan đối với tàu xuất cảnh do Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh hồi báo, phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh xác minh làm rõ và xử lý theo quy định đối với trường hợp tàu quá cảnh có vi phạm pháp luật hải quan (nếu có).

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tàu xuất cảnh.

a) Khai thác trên Hệ thống thông tin về bản lược khai hàng hóa quá cảnh, về thông tin liên quan đến hàng hóa, đến tàu;

b) Kiểm tra tình trạng niêm phong kho dự trữ, hầm hàng (nếu có);

c) Xác nhận bằng chữ ký số, gửi vào Hệ thống thông báo về việc đã tiếp nhận thông tin về tàu, hàng hóa và các vi phạm liên quan đến tàu, hàng hóa, thuyền viên, hành khách, phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh xác minh làm rõ và xử lý theo quy định đối với trường hợp tàu quá cảnh có vi phạm pháp luật hải quan (nếu có);

d) Thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Mục 4

THỦ TỤC HẢI QUAN BẰNG HỒ SƠ GIẤY ĐỐI VỚI TÀU BIỂN XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 15. Thủ tục hải quan đối với tàu biển nhập cảnh

1. Hồ sơ hải quan: Hồ sơ hải quan đối với tàu biển nhập cảnh gồm các chứng từ (nếu có) theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Thông tư này (mỗi chứng từ 01 bản chính), trừ danh sách hành khách nộp 01 bản chụp.

2. Thời hạn làm thủ tục hải quan.

a) Đối với người khai: người khai phải khai và nộp hồ sơ hải quan chậm nhất 02 giờ sau khi Cảng vụ thông báo phương tiện vận tải nhập cảnh đã đến vị trí đón hoa tiêu;

b) Đối với cơ quan Hải quan: không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp đủ hồ sơ hải quan theo quy định.

3. Hoàn thành thủ tục hải quan:

a) Công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan, kiểm tra sự đầy đủ và phù hợp của các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan;

b) Trường hợp các chứng từ đầy đủ, phù hợp thì hoàn thành thủ tục hải quan. Công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức lên các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan. Riêng đối với bản khai hàng hóa (nếu có), công chức ghi tổng số trang, ký tên, đóng dấu công chức lên trang đầu và trang cuối bản khai hàng hóa;

c) Trường hợp các chứng từ không đầy đủ, không phù hợp thì công chức hải quan thông báo cho người khai hải quan bổ sung các thông tin cần thiết để hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu nhập cảnh;

d) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan, công chức hải quan gửi bản sao bản khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) đến Chi cục Hải quan nơi tàu neo đậu, Đội Kiểm soát hải quan; vào sổ hoặc nhập máy tính các thông tin về tên tàu, quốc tịch tàu, tên Đại lý hãng tàu (nếu có), tên thuyền trưởng, tổng số thuyền viên, vị trí tàu neo đậu, tàu nhập cảnh đến từ, thời gian tàu nhập cảnh, thời gian tàu neo đậu, tên hàng và lượng hàng chuyên chở trên tàu (nếu có); lưu trữ hồ sơ theo quy định.

4. Một số quy định khác.

a) Trường hợp thông tin khai hải quan chỉ có thông tin về vận đơn chủ (master bill) mà không có thông tin về vận đơn thứ cấp (house bill) thì vẫn hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, đồng thời yêu cầu người khai khai bổ sung thông tin về vận đơn thứ cấp (nếu có). Nếu có vận đơn thứ cấp mà người khai không khai vận đơn thứ cấp, cơ quan hải quan áp dụng biện pháp nghiệp vụ như không thông quan, hoặc không cho phép lô hàng nhập khẩu đưa ra khu vực giám sát hải quan;

b) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, cơ quan hải quan thực hiện thủ tục nhập cảnh cho tàu biển, tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống, lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan; đồng thời báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác có liên quan theo quy định;

c) Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên

phòng thì chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

Điều 16. Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh

1. Hồ sơ hải quan: Hồ sơ hải quan đối với tàu biển xuất cảnh gồm các chứng từ (nếu có) theo quy định tại khoản 2, Điều 12 Thông tư này (mỗi chứng từ 01 bản chính), trừ danh sách hành khách nộp 01 bản chụp.

2. Thời hạn làm thủ tục hải quan.

a) Đối với người khai: người khai phải khai và nộp hồ sơ hải quan chậm nhất 01 giờ trước khi tàu rời cảng. Riêng tàu khách và tàu chuyên tuyến, thời gian chậm nhất là ngay trước thời điểm tàu chuẩn bị rời cảng;

b) Đối với cơ quan Hải quan: không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp đủ hồ sơ hải quan theo quy định.

3. Hoàn thành thủ tục hải quan.

a) Công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan, kiểm tra sự đầy đủ và phù hợp của các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan;

b) Trường hợp các chứng từ đầy đủ, phù hợp thì hoàn thành thủ tục hải quan. Công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức lên các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan. Riêng đối với bản khai hàng hóa (nếu có), công chức ghi tổng số trang, ký tên, đóng dấu công chức lên trang đầu và trang cuối bản khai hàng hóa;

c) Trường hợp các chứng từ không đầy đủ, không phù hợp thì công chức hải quan thông báo cho người khai hải quan bổ sung các thông tin cần thiết để hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu xuất cảnh;

d) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan, công chức hải quan gửi bản sao bản khai hàng hóa xuất khẩu (nếu có) đến Chi cục Hải quan nơi tàu neo đậu, Đội Kiểm soát hải quan; vào sổ hoặc nhập máy tính các thông tin về tên tàu, quốc tịch tàu, tên Đại lý hãng tàu (nếu có), tên thuyền trưởng, tổng số thuyền viên, vị trí tàu neo đậu, thời gian tàu xuất cảnh, tàu xuất cảnh đến, tên hàng và lượng hàng chuyên chở trên tàu (nếu có); lưu trữ hồ sơ theo quy định.

4. Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng thì chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

Điều 17. Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh

1. Thủ tục hải quan khi tàu nhập cảnh.

Chi cục Hải quan nơi tàu nhập cảnh thực hiện:

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này;

b) Lập 02 Phiếu chuyển hồ sơ tàu quá cảnh theo mẫu số 01/PQC Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này; niêm phong bộ hồ sơ gồm các giấy tờ (bản sao, có đóng dấu giáp lai) sau: 01 bản khai hàng hóa (nếu có), 01 bản khai chung, 01 bản danh sách thuyền viên, 01 bản danh sách hành khách (nếu có), 01 bản khai dự trữ của tàu, 01 bản khai hành lý thuyền viên, 01 phiếu chuyển hồ sơ tàu quá cảnh. Giao hồ sơ đã niêm phong cho thuyền trưởng để chuyển cho Chi cục Hải quan nơi tàu xuất cảnh;

c) Niêm phong kho dự trữ và hầm hàng (nếu có điều kiện và khi cần thiết).

2. Thủ tục hải quan nơi tàu xuất cảnh.

Chi cục Hải quan nơi tàu xuất cảnh thực hiện:

a) Yêu cầu thuyền trưởng nộp cho Chi cục Hải quan bộ hồ sơ đã niêm phong do Chi cục Hải quan nơi tàu nhập cảnh chuyển đến;

b) Tiếp nhận từ thuyền trưởng bộ hồ sơ đã niêm phong nêu trên;

c) Công chức Chi cục Hải quan nơi tàu xuất cảnh ký tên, đóng dấu công chức lên Phiếu chuyển hồ sơ tàu quá cảnh và fax cho Chi cục Hải quan nơi tàu nhập cảnh thông báo về việc đã tiếp nhận hồ sơ, hàng hóa và các vi phạm liên quan đến phương tiện vận tải, hàng hóa, thuyền viên và hành khách (nếu có);

d) Thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

Chương II

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU BAY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Mục 1

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BAY NHẬP CẢNH

Điều 18. Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan

1. Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu bay nhập cảnh gồm các chứng từ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này, cụ thể:

a) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không (nếu có) theo mẫu số 1;

b) Thông tin về vận đơn thứ cấp (nếu có) theo mẫu số 2;

c) Danh sách hành khách (nếu có) theo mẫu số 3;

- d) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay theo mẫu số 4;
- đ) Bản lược khai hành lý ký gửi của hành khách (nếu có) theo mẫu số 5.

3. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử:

a) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 62 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần;

c) Phản hồi thông tin:

c.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

c.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu bay nhập cảnh:

a) Người khai hải quan: thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu bay nhập cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung thực hiện trước hoặc sau khi tàu bay nhập cảnh.

b) Cơ quan hải quan:

b.1) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu bay nhập cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan;

b.2) Đối với sửa đổi, bổ sung bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn thứ cấp: Hệ thống quản lý rủi ro của cơ quan hải quan sẽ tự động cập nhật thông tin sửa đổi, bổ sung để áp dụng biện pháp quản lý rủi ro phù hợp cho lô hàng khi làm thủ tục hải quan;

b.3) Đối với sửa các chứng từ khác: trường hợp sau khi tàu bay đã nhập cảnh, người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thông tin khai, nếu có lý do chính đáng, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu bay quyết định cho phép khai sửa đổi, bổ sung thông tin.

5. Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy theo quy định tại Điều 23 Thông tư này. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

Điều 19. Thủ tục hải quan**1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan.**

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc thông tin từ hồ sơ giấy; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay nhập cảnh;

a.2) Trường hợp thông tin khai hải quan chỉ có thông tin về vận đơn chủ mà không có thông tin về vận đơn thứ cấp thì vẫn hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay nhập cảnh, đồng thời yêu cầu người khai khai bổ sung thông tin về vận đơn thứ cấp. Nếu người khai không khai vận đơn thứ cấp, cơ quan hải quan áp dụng biện pháp nghiệp vụ như không thông quan, hoặc không cho phép lô hàng nhập khẩu đưa ra khu vực giám sát hải quan;

a.3) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, cơ quan hải quan thực hiện thủ tục nhập cảnh cho tàu bay, tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống, lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan; đồng thời báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác có liên quan theo quy định;

a.4) Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an thì chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan điện tử cho tàu bay nhập cảnh đối với trường hợp nêu tại điểm a.1, a.2, a.3 khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan tàu” theo mẫu số 10 Phụ lục II Thông tư này dưới dạng điện tử hoặc bằng văn bản giấy (áp dụng với trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử) cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng không, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thông báo về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay nhập cảnh.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan.

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan đối với tàu bay nhập cảnh;

b) Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan, nộp hồ sơ hải quan điện tử theo quy định tại Điều 18 Thông tư này;

c) Trường hợp làm thủ tục điện tử, sau khi tàu bay nhập cảnh đã vào vị trí đỗ an toàn do Cảng vụ hàng không chỉ định và sau khi hoàn tất thủ tục nhập cảnh với các cơ quan quản lý khác, người khai hải quan gửi Thông báo xác nhận tàu đến cảng bằng

phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu (theo mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này). Thời điểm gửi Thông báo xác nhận tàu đến cảng được xác định là thời điểm hàng hóa nhập khẩu chuyên chở trên tàu bay đến cửa khẩu Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

Mục 2

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BAY XUẤT CẢNH

Điều 20. Tạo lập thông tin về hồ sơ hải quan

1. Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

- a) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc
- b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu bay xuất cảnh gồm các chứng từ theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể:

- a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không (nếu có) theo mẫu số 6;
- b) Danh sách hành khách (nếu có) theo mẫu số 3;
- c) Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay theo mẫu số 4;
- d) Bản lược khai hành lý ký gửi của hành khách (nếu có) theo mẫu số 5.

3. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử:

a) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

b) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần;

c) Phản hồi thông tin:

c.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này;

c.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại theo mẫu số 9 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu bay xuất cảnh.

a) Người khai hải quan: thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu bay xuất cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan thực hiện việc sửa đổi, bổ sung với cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục tàu bay theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung:

a.1) Đối với bản khai hàng hóa xuất khẩu: trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu bay xuất cảnh;

a.2) Các chứng từ khác phải thực hiện trước thời điểm tàu bay xuất cảnh.

b) Cơ quan hải quan: Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu bay xuất cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

5. Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy theo quy định tại Điều 24 Thông tư này. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

Điều 21. Thủ tục hải quan

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hồ sơ giấy; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay xuất cảnh;

a.2) Trường hợp có thông tin yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an và các cơ quan quản lý khác thì tạm thời dừng làm thủ tục theo yêu cầu và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan điện tử cho tàu bay xuất cảnh đối với trường hợp nêu tại điểm a.1, a.2 khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo hoàn thành thủ tục hải quan tàu” theo mẫu số 10 Phụ lục II Thông tư này dưới dạng điện tử hoặc bằng văn bản giấy (áp dụng với trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử) cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng không, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thông báo về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay xuất cảnh.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan.

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh;

b) Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan, nộp hồ sơ hải quan điện tử theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

c) Sau khi hoàn tất thủ tục xuất cảnh với các cơ quan quản lý, người khai hải quan gửi Thông báo xác nhận tàu rời cảng bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu theo mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

Thời điểm gửi Thông báo xác nhận tàu rời cảng được xác định là thời điểm tàu và hàng hóa xuất khẩu chuyên chở trên tàu rời cảng Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

Mục 3

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI TÀU BAY QUÁ CẢNH

Điều 22. Thủ tục hải quan

1. Tàu bay quá cảnh khi dừng kỹ thuật không phải làm thủ tục kê khai hải quan. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm:

a) Giám sát hải quan theo quy định trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay;

b) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu cung ứng cho tàu bay (nếu có).

2. Trường hợp tàu bay quá cảnh dừng, đỗ tại sân bay nhưng có xếp, dỡ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và có hành khách xuất cảnh, nhập cảnh thì Doanh nghiệp kinh doanh cảng hàng không có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan các thông tin có liên quan theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) Khi tàu bay nhập cảnh thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này;

b) Khi tàu bay xuất cảnh nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh thì người khai và cơ quan Hải quan thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 24 Thông tư này;

b) Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu cung ứng cho tàu bay (nếu có).

Mục 4

THỦ TỤC HẢI QUAN BẰNG HỒ SƠ GIẤY ĐỐI VỚI TÀU BAY XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH

Điều 23. Thủ tục hải quan đối với tàu bay nhập cảnh

1. Hồ sơ hải quan: Hồ sơ hải quan đối với tàu bay nhập cảnh gồm các chứng từ (nếu có) theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Thông tư này (mỗi chứng từ 01 bản chính). Riêng bản khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có), người khai hải quan nộp 02 bản chính.

2. Thời hạn làm thủ tục hải quan.

a) Đối với người khai: người khai phải khai và nộp hồ sơ hải quan ngay sau khi tàu bay nhập cảnh đỗ tại vị trí theo chỉ định của Giám đốc Cảng vụ hàng không;

b) Đối với cơ quan Hải quan: không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp đủ hồ sơ hải quan theo quy định.

3. Hoàn thành thủ tục hải quan.

a) Công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan, kiểm tra sự đầy đủ và phù hợp của các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan;

b) Trường hợp các chứng từ đầy đủ, phù hợp thì hoàn thành thủ tục hải quan. Công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức lên các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan. Riêng đối với bản khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có), công chức ghi tổng số trang, ký tên, đóng dấu công chức lên trang đầu và trang cuối bản khai hàng hóa;

c) Trường hợp các chứng từ không đầy đủ, không phù hợp thì công chức hải quan thông báo cho người khai hải quan bổ sung các thông tin cần thiết để hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu nhập cảnh;

d) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan, công chức hải quan gửi bản sao bản khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có) đến các đơn vị chức năng khi có yêu cầu; vào sổ hoặc nhập máy tính các thông tin về tên tàu bay, quốc tịch tàu bay, tên cơ trưởng, tổng số phi hành đoàn, vị trí tàu bay đỗ, tàu bay nhập cảnh đến từ, thời gian tàu bay dừng đỗ; lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 24. Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh

1. Hồ sơ hải quan: Hồ sơ hải quan đối với tàu bay xuất cảnh gồm các chứng từ (nếu có) theo quy định tại khoản 2, Điều 20 Thông tư này (mỗi chứng từ 01 bản chính). Riêng bản khai hàng hóa xuất khẩu (nếu có), người khai hải quan nộp 02 bản chính.

2. Thời hạn làm thủ tục hải quan.

a) Đối với người khai: người khai phải khai và nộp hồ sơ hải quan ngay trước khi tổ chức vận tải chấm dứt việc làm thủ tục nhận hàng hóa xuất khẩu, hành khách xuất cảnh;

b) Đối với cơ quan Hải quan: không quá 01 giờ kể từ khi người khai hải quan nộp đủ hồ sơ hải quan theo quy định.

3. Hoàn thành thủ tục hải quan:

a) Công chức hải quan tiếp nhận hồ sơ hải quan, kiểm tra sự đầy đủ và phù hợp của các chứng từ thuộc bộ hồ sơ hải quan;

b) Trường hợp các chứng từ đầy đủ, phù hợp thì hoàn thành thủ tục hải quan. Công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức lên các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan. Riêng đối với bản khai hàng hóa (nếu có), công chức ghi tổng số trang, ký tên, đóng dấu công chức lên trang đầu và trang cuối bản khai hàng hóa;

c) Trường hợp các chứng từ không đầy đủ, không phù hợp thì công chức hải quan thông báo cho người khai hải quan bổ sung các thông tin cần thiết để hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu xuất cảnh;

d) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan, công chức hải quan gửi bản sao bản khai hàng hóa xuất khẩu (nếu có) đến các đơn vị có liên quan khi có yêu cầu; vào sổ hoặc nhập máy tính các thông tin về tên tàu bay, quốc tịch tàu bay, tên cơ trưởng, tổng số phi hành đoàn, vị trí tàu bay đỗ, tàu bay xuất cảnh đến, thời gian tàu bay dừng đỗ; lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 25. Thủ tục hải quan đối với tàu bay quá cảnh

Thủ tục hải quan đối với tàu bay quá cảnh thực hiện theo Điều 22 Thông tư này.

Chương III

**THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI XUẤT CẢNH,
NHẬP CẢNH QUA CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 26. Tiếp nhận, kiểm tra hải quan hồ sơ phương tiện vận tải

1. Phương tiện nước ngoài tạm nhập hoặc phương tiện Việt Nam tạm xuất:

a) Trách nhiệm của người khai hải quan: nộp và xuất trình các chứng từ theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 78, Điều 79, Điều 80 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 1 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này. Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

b) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

b.1) Tiếp nhận hồ sơ do người điều khiển phương tiện vận tải nộp và xuất trình;

b.2) Kiểm tra hồ sơ, kiểm đếm đủ số lượng, chủng loại các chứng từ và kiểm tra nội dung của các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan, trong đó lưu ý kiểm tra các giấy tờ sau:

b.2.1) Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp phương tiện vận tải lưu hành tại khu vực cửa khẩu và các loại phương tiện vận tải đường thủy nội địa mà Điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước có chung đường biên giới không yêu cầu phải cấp giấy phép): Kiểm tra thời hạn tạm nhập - tái xuất còn giá trị, tuyến đường, cửa khẩu xuất cảnh, cửa khẩu nhập cảnh;

b.2.2) Giấy đăng ký phương tiện phải còn giá trị lưu hành;

b.2.3) Giấy tờ khác bao gồm:

b.2.3.1) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe;

b.2.3.2) Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới còn giá trị theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa Việt Nam và nước có chung biên giới phù hợp với mục đích chuyến đi;

b.2.3.3) Hộ chiếu của lái xe và giấy đăng ký phương tiện mà lái xe điều khiển phải do cùng một Bên cấp, trừ:

- Phương tiện của cơ quan ngoại giao gồm Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Thương vụ, Thông tấn xã mang biển số của Bên ký kết kia qua lại biên giới thực hiện công vụ.

- Các trường hợp Điều ước quốc tế giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới có quy định khác.

Quá trình kiểm tra hồ sơ phương tiện vận tải nếu phát hiện hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan biết, trả lại hồ sơ cho người khai hải quan. Trường hợp người khai có yêu cầu thì phải thông báo bằng phiếu yêu cầu nghiệp vụ theo mẫu 3 phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

2. Phương tiện nước ngoài tái xuất hoặc phương tiện Việt Nam tái nhập:

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a.1) Nộp và xuất trình các chứng từ theo quy định tại Điều 74, Điều 75, Điều 78, Điều 79, Điều 80 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP. Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 1 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này. Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này;

a.2) Khai bổ sung (nếu có) những thay đổi khác so với khai báo khi tạm nhập, tạm xuất.

b) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

b.1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình, nhập thông tin vào các ô, mục định sẵn trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ;

b.2) Kiểm tra hồ sơ, kiểm đếm đủ số lượng, chủng loại các chứng từ, kiểm tra nội dung của các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan, lưu ý kiểm tra các giấy tờ sau:

b.2.1) Văn bản gia hạn thời gian lưu hành phương tiện vận tải (nếu có);

b.2.2) Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (quy định về thời hạn tạm nhập - tái xuất, về tuyến đường...);

b.2.3) Giấy tờ khác bao gồm:

b.2.3.1) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe còn giá trị;

b.2.3.2) Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới còn giá trị theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa Việt Nam và nước có chung đường biên giới;

b.2.3.3) Hộ chiếu của lái xe còn giá trị và giấy đăng ký phương tiện mà lái xe điều khiển phải do cùng một Bên cấp, trừ:

- Phương tiện của cơ quan ngoại giao gồm Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Thương vụ, Thông tấn xã mang biển số của Bên ký kết kia qua lại biên giới thực hiện công vụ.

- Các trường hợp Điều ước quốc tế giữa Việt Nam và các nước có chung đường biên giới có quy định khác.

Quá trình kiểm tra hồ sơ phương tiện vận tải nếu phát hiện hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan biết, trả lại hồ sơ cho người khai hải quan. Trường hợp người khai có yêu cầu thì phải thông báo bằng phiếu yêu cầu nghiệp vụ theo mẫu 3 phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

Điều 27. Khai hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh

1. Khai hải quan đối với ô tô, mô tô, xe máy xuất cảnh, nhập cảnh.

a) Trường hợp sử dụng phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ:

a.1) Trách nhiệm của công chức hải quan:

a.1.1) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 26 Thông tư này, nếu đủ điều kiện cho xuất cảnh, nhập cảnh thì nhập thông tin vào các ô, mục định sẵn trên phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ;

a.1.2) In tờ khai phương tiện vận tải từ phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ.

a.2) Trách nhiệm của người khai hải quan: ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải, chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.

b) Trường hợp không sử dụng được phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ do lỗi phần mềm, lỗi mạng, mất điện:

b.1) Trách nhiệm của công chức hải quan:

b.1.1) Cấp phát miễn phí tờ khai phương tiện vận tải cho người khai hải quan;

b.1.2) Hỗ trợ, hướng dẫn người khai hải quan khai thông tin vào các ô, mục trên tờ khai phương tiện vận tải (gồm cả 2 liên) tại phần dành cho người điều khiển phương tiện vận tải.

b.2) Trách nhiệm của người khai hải quan: khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải, chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.

2. Khai hải quan đối với tàu thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh (được đăng ký theo pháp luật của Việt Nam và Campuchia).

a) Khai hải quan đối với tàu thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện tương tự như đối với ô tô, mô tô, xe máy xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại khoản 1

Điều này, riêng tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập - tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này;

b) Đối với tàu biển Việt Nam, tàu biển Campuchia, tàu biển nước thứ ba có số hồ hiệu (IMO) xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu Vĩnh Xương - An Giang và cửa khẩu Thường Phước - Đồng Tháp thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Chương I, Phần II Thông tư này.

Điều 28. Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải, kiểm tra, khám xét phương tiện vận tải

1. Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải.

a) Đối với phương tiện vận tải tại thời điểm làm thủ tục hải quan không có dấu hiệu, thông tin vi phạm thì công chức Hải quan đánh dấu (hoặc tích trên phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ) vào ô miễn kiểm tra phương tiện vận tải trên tờ khai hải quan;

b) Đối với phương tiện vận tải vi phạm thời hạn lưu hành, phương tiện vận tải làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất lần đầu tiên hoặc có nghi ngờ khác nhau giữa hồ sơ và thực tế phương tiện vận tải, hoặc khi có đủ căn cứ để khẳng định trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu, thông tin vi phạm pháp luật thì công chức đánh dấu (hoặc tích vào hệ thống) vào ô kiểm tra phương tiện vận tải trên tờ khai hải quan.

2. Kiểm tra phương tiện vận tải.

a) Kiểm tra phương tiện vận tải là việc đối chiếu hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình với thực tế phương tiện vận tải do công chức hải quan thực hiện. Nội dung kiểm tra gồm:

a.1) Đối với phương tiện vận tải đường bộ: kiểm tra biển kiểm soát phương tiện vận tải, nếu có nghi vấn thì kiểm tra số khung, số máy phương tiện vận tải; kiểm tra vị trí nơi phương tiện vận tải chứa hàng hóa (nếu có);

a.2) Đối với phương tiện vận tải thủy: kiểm tra biển kiểm soát phương tiện vận tải, giấy đăng kiểm, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật; kiểm tra vị trí nơi phương tiện vận tải chứa hàng hóa (nếu có);

b) Trường hợp có đủ căn cứ để khẳng định trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu, thông tin vi phạm pháp luật thì công chức hải quan báo cáo Chỉ huy trưởng quyết định khám xét phương tiện vận tải. Nội dung khám xét bao gồm lục soát, kiểm tra các vị trí nơi có khả năng cất giấu hàng lậu, hàng cấm, hàng hóa không khai báo hải quan. Thủ tục, trình tự khám xét phương tiện vận tải thực hiện theo quy định của Luật xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn;

c) Trong quá trình kiểm tra, khám xét phương tiện vận tải, công chức hải quan sử dụng các trang thiết bị cần thiết để hỗ trợ công tác kiểm tra, khám xét.

3. Xử lý kết quả kiểm tra, khám xét phương tiện vận tải.

a) Trường hợp không phát hiện có vi phạm, công chức hải quan hoàn tất thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải theo quy định;

b) Trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật hải quan, công chức hải quan lập biên bản, tạm giữ phương tiện vận tải để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Hoàn tất thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải

1. Đối với phương tiện vận tải nước ngoài:

a) Phương tiện vận tải tạm nhập:

a.1) Đối với phương tiện vận tải nhập cảnh theo giấy chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam:

Công chức hải quan ghi kết quả kiểm tra phương tiện vận tải (nếu có), ký, đóng dấu công chức vào tờ khai phương tiện vận tải, giao cho người điều khiển phương tiện liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất để làm chứng từ đi đường và nộp lại cho Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tái xuất khi phương tiện vận tải này tái xuất, liên 2 tờ khai phương tiện vận tải lưu giữ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm nhập để theo dõi và thanh khoản.

a.2) Đối với phương tiện vận tải nhập cảnh theo giấy phép liên vận (theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết):

Ngoài thực hiện công việc nêu ở tiết a.1 khoản 1 Điều này, công chức kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải ký tên, đóng dấu công chức, đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

b) Phương tiện vận tải tái xuất:

b.1) Đối với phương tiện vận tải tạm nhập theo giấy chấp thuận hoặc giấy tờ tương đương của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, công chức hải quan ghi kết quả kiểm tra phương tiện vận tải (nếu có), ký tên, đóng dấu công chức vào liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất để thanh khoản hồ sơ tạm nhập - tái xuất;

b.2) Đối với phương tiện vận tải tạm nhập theo giấy phép liên vận: ngoài thực hiện công việc nêu ở tiết b.1 khoản 1 Điều này, công chức kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

2. Đối với phương tiện vận tải Việt Nam:

a) Phương tiện vận tải tạm xuất:

a.1) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam: Công chức hải quan ghi kết quả kiểm tra, ký tên, đóng dấu công chức vào tờ khai phương tiện vận tải tạm xuất - tái nhập; giao cho người điều khiển phương tiện liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm xuất - tái nhập để

nộp lại cho Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tái nhập khi phương tiện vận tải này tái nhập, liên 2 tờ khai phương tiện vận tải lưu giữ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm xuất để theo dõi và thanh khoản.

a.2) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy phép liên vận (theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết):

a.2.1) Giấy phép liên vận ở dạng sổ liên vận (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Lào và Campuchia): Công chức hải quan đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

Trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải, sau khi đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận, công chức hải quan ghi số tờ khai phương tiện vận tải lên nửa trên của con dấu.

a.2.2) Giấy phép liên vận ở dạng giấy khổ A4 (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Trung Quốc): Công chức hải quan đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận (trường hợp có sổ nhật trình kèm theo thì đóng lên sổ nhật trình).

Trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải: sau khi đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận, công chức hải quan ghi số tờ khai phương tiện vận tải lên nửa trên của con dấu.

b) Phương tiện vận tải tái nhập.

b.1) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam: công chức hải quan ghi kết quả kiểm tra, ký, đóng dấu công chức vào liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm xuất - tái nhập và thu lại liên 1 tờ khai phương tiện vận tải để thanh khoản hồ sơ tạm xuất - tái nhập;

b.2) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy phép liên vận (theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết):

b.2.1) Giấy phép liên vận ở dạng sổ (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Lào và Campuchia): công chức hải quan đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận;

b.2.2) Giấy phép liên vận ở dạng giấy khổ A4 (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Trung Quốc): công chức hải quan đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận (trường hợp có sổ nhật trình kèm theo thì đóng lên sổ nhật trình).

Điều 30. Quy định về thanh khoản

1. Thanh khoản phương tiện vận tải trên hệ thống phần mềm:

Thực hiện thanh khoản trên hệ thống phần mềm theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

Công chức hải quan ký tên, đóng dấu công chức vào góc phải phía trên trang đầu phiếu hồi báo, hoặc bản gốc (bản sao hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1), công văn (trường hợp phương tiện vận tải Việt Nam có Giấy phép liên vận, không in tờ khai phương tiện vận tải) của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục cho phương tiện vận tải tái xuất hoặc tái nhập chưa được nối mạng với hệ thống và đóng dấu "Đã thanh khoản" theo mẫu theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành; lưu trữ hồ sơ theo quy định.

2. Thanh khoản phương tiện vận tải trên hồ sơ giấy:

a) Thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập:

a.1) Căn cứ thanh khoản:

a.1.1) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất có nối mạng với hệ thống thì:

a.1.1.1) Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất cùng cửa khẩu căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) phù hợp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm nhập;

a.1.1.2) Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tái xuất không cùng cửa khẩu căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) phù hợp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm nhập;

a.1.1.3) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải nhập cảnh (tạm nhập) chưa được nối mạng với hệ thống thì căn cứ tờ khai phương tiện vận tải (liên 2) và phiếu hồi báo, bản gốc (hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1) từ cửa khẩu tái xuất để thanh khoản hồ sơ tạm nhập.

a.2. Thủ tục thanh khoản:

Công chức hải quan ký đóng dấu số hiệu công chức vào góc phải phía trên trang đầu tờ khai phương tiện vận tải và đóng dấu "Đã thanh khoản" theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành; lưu trữ theo quy định.

b) Thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm xuất:

b.1) Căn cứ thanh khoản:

b.1.1) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm xuất, tái nhập được nối mạng với hệ thống thì:

b.1.1.1) Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm xuất, tái nhập cùng cửa khẩu căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) hoặc Sổ liên vận (trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải) phù hợp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm xuất;

b.1.1.2) Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập không cùng cửa khẩu căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) hoặc Sổ liên vận (trường hợp không in tờ

khai phương tiện vận tải) phù hợp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm xuất.

b.1.2) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tạm xuất chưa được nối mạng với hệ thống: Căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 2) và phiếu hồi báo, bản gốc (hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1) do Chi cục hải quan cửa khẩu tái nhập chuyển đến để thanh khoản hồ sơ tạm xuất;

b.2) Thủ tục thanh khoản: Công chức hải quan ký tên, đóng dấu số hiệu công chức vào góc phải phía trên trang đầu tờ khai phương tiện vận tải hoặc công văn (trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải đối với phương tiện vận tải Việt Nam có Giấy phép liên vận) và đóng dấu "Đã thanh khoản" theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành; lưu trữ theo quy định.

Mục 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 31. Thủ tục hải quan đối với xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh

Khi ô tô, xe mô tô, xe gắn máy tạm nhập, nhập cảnh/tái xuất, xuất cảnh hoặc tạm xuất, xuất cảnh/nhập cảnh, tái nhập:

1. Trách nhiệm của người khai hải quan: nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan và khai hải quan theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp và xuất trình; kiểm tra, đối chiếu thông tin hồ sơ phương tiện vận tải, nhập thông tin vào phần mềm quản lý phương tiện vận tải và in tờ khai phương tiện vận tải theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Thông tư này;

b) Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải; thực hiện kiểm tra, khám xét và xử lý theo quy định (nếu có) theo quy định tại Điều 28 Thông tư này;

c) Hoàn tất thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 29 Thông tư này;

d) Thực hiện thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập (sau khi phương tiện vận tải đã tái xuất) và thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm xuất (sau khi phương tiện vận tải đã tái nhập) trên phần mềm quản lý phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cửa khẩu đường bộ theo quy định tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 32. Thủ tục hải quan đối với phương tiện thủy nội địa xuất cảnh, nhập cảnh

Khi phương tiện thủy nội địa tạm nhập, nhập cảnh/tạm xuất, xuất cảnh hoặc tái xuất, xuất cảnh/tạm nhập, nhập cảnh:

1. Trách nhiệm của người khai hải quan: nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan và khai hải quan theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp và xuất trình; kiểm tra, đối chiếu thông tin hồ sơ phương tiện vận tải và in tờ khai phương tiện vận tải theo quy định tại Điều 26, Điều 27 Thông tư này;

b) Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải; thực hiện kiểm tra, khám xét và xử lý theo quy định (nếu có) theo quy định tại Điều 28 Thông tư này;

c) Hoàn tất thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 29 Thông tư này;

d) Thực hiện thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập (sau khi phương tiện vận tải đã tái xuất) và thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm xuất (sau khi phương tiện vận tải đã tái nhập) trên hồ sơ giấy theo quy định tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 33. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân qua lại khu vực biên giới

1. Thủ tục hải quan đối với ô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa:

a) Đối với ô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa nước ngoài vào khu vực cửa khẩu để giao hàng hoặc nhận hàng hoặc do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày thì thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a.1) Người khai hải quan xuất trình giấy tờ tùy thân (giấy phép lái xe hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy thông hành, ngày cấp của giấy tờ này), giấy tờ phương tiện để Chi cục hải quan cửa khẩu vào sổ theo dõi;

a.2) Chi cục hải quan cửa khẩu thực hiện việc ghi sổ hoặc nhập máy tính các thông tin về loại phương tiện, biển kiểm soát (nếu có), số giấy phép lái xe hoặc số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành, ngày cấp của giấy tờ này, họ và tên người điều khiển phương tiện (nếu là người nước ngoài thì ghi phiên âm theo tiếng Việt), ngày giờ vào, ra khu vực cửa khẩu; Thực hiện giám sát theo quy định;

b) Đối với ô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa Việt Nam đi qua biên giới để giao hàng hoặc nhận hàng hoặc do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày thì thủ tục hải quan thực hiện như sau:

b.1) Người khai hải quan xuất trình tờ khai hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu trong trường hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, giấy tờ tùy thân (giấy phép lái xe hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc giấy thông hành, ngày cấp của giấy tờ này) và giấy tờ phương tiện để Chi cục hải quan cửa khẩu vào sổ theo dõi;

b.2) Chi cục hải quan cửa khẩu thực hiện việc ghi sổ hoặc nhập máy tính các thông tin về loại phương tiện, biển kiểm soát (nếu có), số giấy phép lái xe hoặc số chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy thông hành, ngày cấp của giấy tờ này, ngày giờ vào, ra khu vực cửa khẩu; Thực hiện giám sát theo quy định;

2. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải thô sơ thường xuyên qua lại khu vực biên giới để giao hàng hoặc nhận hàng hoặc do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày:

a) Người điều khiển phương tiện nộp cho cơ quan hải quan tờ khai hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Chi cục hải quan cửa khẩu thực hiện việc giám sát theo quy định.

Điều 34. Quy định riêng đối với một số trường hợp đặc thù

1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu theo giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn hiệu lực của giấy phép (khai vào lần xuất cảnh, nhập cảnh đầu tiên). Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan Hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất/tái nhập cuối cùng.

2. Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh theo đoàn thì người điều khiển của từng phương tiện hoặc người đại diện cho đoàn thực hiện việc khai hải quan và làm thủ tục cho cả đoàn phương tiện.

3. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hỏa, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp không có giấy phép thì Chi cục Hải quan cửa khẩu giải quyết thủ tục như sau:

a) Hướng dẫn người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tùy thân của người điều khiển phương tiện vận tải;

b) Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, vào sổ hoặc nhập vào máy tính các thông tin trên tờ khai phương tiện vận tải;

c) Hoàn thành thủ tục hải quan phương tiện vận tải và làm công văn báo cáo ngay (fax) gửi Cục Hải quan tỉnh kèm bản copy tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập - tái xuất hoặc tạm xuất - tái nhập có đóng dấu sao y của Chi cục để Cục Hải quan tỉnh thông báo đến các cơ quan gồm: Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải tỉnh, Bộ đội biên phòng cấp tỉnh và Hải quan cửa khẩu tái xuất (nếu tái xuất không cùng cửa khẩu) để phối hợp theo dõi, quản lý.

4. Đối với ô tô mang biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu.

a) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu vào nội địa phải làm thủ tục hải quan tạm nhập - tái xuất theo quy định;

b) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu nếu được cấp giấy phép liên vận ra nước ngoài phải làm thủ tục tạm xuất - tái nhập theo quy định.

5. Đối với phương tiện vận tải thuộc điều chỉnh của Hiệp định GMS mà Việt Nam ký kết với các nước trong khu vực Tiểu vùng Mê Kông.

a) Thực hiện quản lý, theo dõi thông qua phần mềm quản lý phương tiện vận tải xuất nhập cảnh đường bộ;

b) Thủ tục hải quan thực hiện như sau:

b.1) Trách nhiệm của người khai hải quan: nộp và xuất trình các chứng từ theo quy định tại Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông mở rộng (Hiệp định GMS) và các văn bản hướng dẫn;

b.2) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu:

b.2.1) Kiểm tra Giấy phép vận tải đường bộ GMS (GMS Road Transport Permit) và xác nhận lên Sổ theo dõi hoạt động phương tiện thực hiện Hiệp định GMS đi kèm giấy phép;

b.2.2) Kiểm tra hồ sơ hải quan GMS gồm:

b.2.2.1) Tờ khai hàng hóa quá cảnh và thông quan nội địa (GMS transit and inland customs clearance Document);

b.2.2.2) Tờ khai tạm nhập phương tiện vận tải (Motor Vehicle temporary admission Document);

b.2.2.1) Tờ khai tạm nhập container (Container temporary admission Document);

b.2.3) Không in tờ khai phương tiện vận tải của Việt Nam, thực hiện xác nhận lên hồ sơ hải quan GMS: Thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn chế độ quá cảnh (Customs Transit and Temporary Admission System) đã thống nhất giữa các nước GMS (xác nhận bằng tiếng Anh).

b.2.4) Hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải nếu không phát hiện vi phạm;

b.2.5) Trường hợp phát hiện vi phạm:

b.2.5.1) Yêu cầu người điều khiển phương tiện thanh toán ngay các khoản thuế, lệ phí;

b.2.5.2) Trường hợp người điều khiển phương tiện không có khả năng thanh toán ngay các khoản thuế, lệ phí thì thông báo việc vi phạm (kèm hồ sơ chứng minh vi phạm của doanh nghiệp vận tải) đến Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam (VATA) yêu cầu thanh toán theo quy định tại Thỏa thuận sơ bộ giữa Tổng cục Hải quan và Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam (VATA) ký ngày 05/11/2009.

c) Gia hạn thời hạn lưu hành:

c.1) Thẩm quyền gia hạn: việc gia hạn thời gian lưu hành đối với phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập - tái xuất quá hạn trong các trường hợp bất khả kháng do Chi cục trưởng quyết định, xác nhận (bằng tiếng Anh) vào văn bản yêu cầu của người có phương tiện tạm nhập;

c.2) Thực hiện việc gia hạn theo khoản c Điều 9 Phụ lục 8 - Tạm nhập phương tiện cơ giới (Annex 8: Temporary Importation of Motor Vehicle) và khoản (b) Điều 14 Phụ lục 14 - Chế độ hải quan Công ten nơ (Annex 14 - Container Customs Regime) của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại

biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông (The GMS Cross-Border Transport Agreement-CBTA).

d) Đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thì sau khi kết thúc thủ tục hải quan theo cơ chế vận tải quá cảnh (Customs Transit and Temporary Admission System) mới làm thủ tục hải quan theo từng loại hình nhập khẩu.

6. Đối với phương tiện vận tải gồm ô tô, mô tô, xe gắn máy của tổ chức, cá nhân nước thứ 3 không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết khi xuất cảnh hay nhập cảnh phải có văn bản cho phép hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mới được giải quyết thủ tục hải quan:

a) Trường hợp phương tiện vận tải của nước thứ 3 được phép tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ và tái xuất qua cửa khẩu đường biển hoặc đường thủy nội địa hoặc đường sắt hoặc đường hàng không hoặc ngược lại thì Chi cục Hải quan làm thủ tục tái xuất phương tiện vận tải phải fax hoặc gửi lại bản chính tờ khai phương tiện vận tải (sau khi sao lưu tờ khai phương tiện vận tải) cho Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập để thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập;

b) Thủ tục phương tiện vận tải quá cảnh thực hiện như thủ tục đối với ô tô nước ngoài tạm nhập - tái xuất quy định tại Điều 31 Thông tư này.

7. Đối với phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân của một nước láng giềng ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam, đã làm thủ tục tạm nhập vào lãnh thổ Việt Nam muốn tái xuất sang lãnh thổ của một nước láng giềng khác có ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mới được giải quyết thủ tục hải quan.

8. Đối với phương tiện vận tải là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thì thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh theo quy định.

Chương IV

THỦ TỤC HẢI QUAN ĐỐI VỚI TÀU HÓA LIÊN VẬN QUỐC TẾ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH

Điều 35. Thủ tục hải quan đối với tàu nhập cảnh

1. Trách nhiệm của người khai hải quan: trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai nộp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan như sau:

a) Tại Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:

a.1) Giấy giao tiếp hàng hóa đối với tàu chở hàng hóa: 01 bản chính;

a.2) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa: 01 bản chụp;

a.3) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga đường sắt liên vận quốc tế đối với tàu chở hàng hóa theo mẫu số 2 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 02 bản chính;

a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có) theo mẫu số 1 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính;

a.5) Bảng kê nhiên liệu, dụng cụ, thực phẩm mang theo của tàu đối với tàu khách hoặc tàu chở hàng hóa (nếu có) theo mẫu số 3 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính.

b) Tại Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa:

b.1) Các giấy tờ còn nguyên niêm phong của Chi cục Hải quan cửa khẩu ga liên vận biên giới chuyển đến;

b.2) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có) theo mẫu số 1 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ hải quan về số hiệu toa xe, số lượng hàng với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì:

a.1.1) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do người khai hải quan nộp.

a.1.2) Lưu hồ sơ hải quan gồm các chứng từ liên quan theo quy định.

a.2) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, cơ quan hải quan thực hiện thủ tục nhập cảnh cho tàu, tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống, lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan; đồng thời báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác có liên quan theo quy định.

a.3) Trường hợp phải kiểm tra thực tế phương tiện thì thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 68 Luật Hải quan.

b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đích; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời,... thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;

c) Bàn giao hàng hóa nhập khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa trong trường hợp tàu nhập cảnh có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan như sau:

c.1) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau thì thực hiện theo quy định tại Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

c.2) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác thì lập biên bản bàn giao hàng hóa nhập khẩu gửi cho Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa theo mẫu số 4 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

d) Niêm phong hồ sơ hải quan gồm các chứng từ nêu tại điểm a.2, a.3 khoản 1 Điều này, biên bản bàn giao (nếu có) và giao cho người khai chuyển đến Hải quan ga đích theo quy định.

đ) Tổ chức giám sát, kiểm soát đối với phương tiện (bao gồm container rỗng, toa rỗng, xe rỗng), hàng hóa, hành lý theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ hải quan do Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới chuyển đến và do người khai nộp về số hiệu toa xe, số lượng hàng với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải, của cơ quan Hải quan (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì:

a.1.1) Xác nhận, đóng dấu lên những giấy tờ do người khai hải quan nộp; hồi báo (điện fax) cho Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới về việc tiếp nhận hàng hóa, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến (đối với trường hợp người khai thực hiện thủ tục bàn giao hàng hóa nhập khẩu vận chuyển về ga đích bằng phương thức thủ công) hoặc cập nhập thông tin hàng đến vào Hệ thống (đối với trường hợp người khai thực hiện thủ tục bàn giao hàng hóa nhập khẩu vận chuyển về ga đích bằng phương thức điện tử);

a.1.2) Lưu hồ sơ hải quan gồm các chứng từ liên quan theo quy định.

a.2) Trường hợp có dấu hiệu vận chuyển hàng hóa vi phạm pháp luật hải quan, tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống, lưu giữ trong khu vực giám

sát hải quan; đồng thời báo cáo Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định hình thức, mức độ kiểm tra thực tế hàng hóa và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ khác có liên quan theo quy định.

a.3) Trường hợp phải kiểm tra thực tế phương tiện thì thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 68 Luật Hải quan.

b) Tổ chức giám sát, kiểm soát đối với phương tiện (bao gồm container rỗng, toa rỗng, xe rỗng), hàng hóa, hành lý theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Điều 36. Thủ tục hải quan đối với tàu xuất cảnh

1. Trách nhiệm của người khai hải quan: trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, người khai nộp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan như sau:

a) Tại Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa:

a.1) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa: 01 bản chính;

a.2) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa: 01 bản chụp;

a.3) Bản trích lược khai hàng hóa xuất khẩu tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa đối với tàu chở hàng hóa theo mẫu số 5 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 02 bản chính;

a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa (nếu có) theo mẫu số 1 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính.

b) Tại Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:

b.1) Các giấy tờ còn nguyên niêm phong của Chi cục Hải quan cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa chuyên đến;

b.2) Giấy giao tiếp hàng hóa đối với tàu chở hàng hóa: 01 bản chính;

b.3) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa: 01 bản chụp;

b.4) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu chở hàng hóa: 01 bản chính;

b.5) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới (nếu có) theo mẫu số 1 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này: 01 bản chính.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ hải quan về số hiệu toa xe, số lượng hàng với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi;

b) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đích; trường hợp hàng hóa

không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời,... thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định;

b.2) Bàn giao hàng hóa xuất khẩu cho Hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới trong trường hợp tàu xuất cảnh có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan như sau:

b.2.1) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau thì thực hiện theo quy định tại Điều 51 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

b.2.2) Trường hợp hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, hệ thống khai hải quan điện tử không thực hiện được các giao dịch điện tử với nhau mà nguyên nhân do một hoặc cả hai hệ thống hoặc do nguyên nhân khác thì lập biên bản bàn giao hàng hóa xuất khẩu gửi cho Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới theo mẫu số 6 Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

c) Xác nhận và đóng dấu lên những giấy tờ do người khai nộp; niêm phong hồ sơ hải quan gồm các chứng từ nêu tại điểm a.2, a.3 khoản 1 Điều này, biên bản bàn giao (nếu có) và giao cho người khai chuyển đến Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới theo quy định;

d) Tổ chức giám sát, kiểm soát đối với phương tiện (bao gồm container rỗng, toa rỗng, xe rỗng), hàng hóa, hành lý theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ hải quan do Chi cục Hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa chuyển đến và do người khai nộp về số hiệu toa xe, số lượng hàng với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải, của cơ quan Hải quan (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì:

a.1.1) Xác nhận, đóng dấu lên những giấy tờ do người khai hải quan nộp; hồi báo (điện fax) cho Chi cục hải quan ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa về việc tiếp nhận hàng hoá, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hóa được chuyển đến (đối với trường hợp người khai thực hiện thủ tục bàn giao hàng hóa xuất khẩu bằng phương thức thủ công) hoặc cập nhập thông tin hàng đến vào Hệ thống (đối với trường hợp người khai thực hiện thủ tục bàn giao hàng hóa xuất khẩu bằng phương thức điện tử);

- a.1.2) Lưu hồ sơ hải quan gồm các chứng từ liên quan theo quy định.
- a.2) Trường hợp phải kiểm tra thực tế phương tiện thì thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 68 Luật Hải quan.
- b) Tổ chức giám sát, kiểm soát đối với phương tiện (bao gồm container rỗng, toa rỗng, xe rỗng), hàng hóa, hành lý theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 và thay thế Thông tư số 64/2011/TT-BTC ngày 13/5/2011 của Bộ Tài chính, phần IV Thông tư số 128/2013/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Hải quan.

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm:
 - a) Xây dựng và công bố định dạng chuẩn dữ liệu điện tử thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;
 - b) Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan và hệ thống khai hải quan điện tử;
 - c) Quyết định lựa chọn hãng tàu bay thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo từng giai đoạn;
 - d) Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị hải quan chủ động phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện thực hiện thủ tục hải quan điện tử;
 - đ) Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện và các mẫu biểu có liên quan theo quy định tại Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi hoặc bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi hoặc bổ sung, thay thế.
3. Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu số 1 - Phụ lục I**TÊN HÃNG TÀU/ĐẠI LÝ
HÃNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB- (viết tắt tên hãng tàu/đại lý hãng tàu)

THÔNG BÁO**Tham gia thủ tục hải quan điện tử đối với tàu bay nhập cảnh, quá cảnh**

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Chúng tôi gửi Thông báo này tới Tổng cục Hải quan đề nghị được tham gia thực hiện thủ tục hải quan điện tử tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh với những nội dung sau:

1. Tên đơn vị đăng ký:

a) Mã số thuế:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại:

Số Fax:

d) Người đại diện có thẩm quyền: (i) Họ và tên; (ii) Số Chứng minh thư nhân dân; (iii) Chức vụ.

đ) Đại lý cho hãng tàu:

2. Chúng tôi cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính, các quyền và nghĩa vụ theo quy định khác của pháp luật liên quan.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT,.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

Mẫu số 2 - Phụ lục I**TÊN HÃNG TÀU/ĐẠI LÝ
HÃNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TB- (tên hãng tàu/đại lý hãng tàu)

THÔNG BÁO**Tham gia thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, quá cảnh**

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính.

Chúng tôi gửi Thông báo này tới Tổng cục Hải quan đề nghị tham gia thực hiện thủ tục hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh với những nội dung sau:

1. Tên đơn vị đăng ký:

a) Mã số thuế:

b) Địa chỉ:

c) Số điện thoại:

Số Fax:

d) Người đại diện có thẩm quyền: (i) Họ và tên; (ii) Số Chứng minh thư nhân dân; (iii) Chức vụ.

đ) Đại lý cho hãng tàu:

2. Chúng tôi cam kết thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính, các quyền và nghĩa vụ theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT,.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

Mẫu số 1 - Phụ lục II

BẢN KHAI CHUNG General Declaration		
1. Tên và loại tàu: Name and type of ship		2. Đến/Arrival
4. Số IMO: IMO number		5. Cảng đến/rời Port of arrival/departure
7. Hô hiệu: Call sign		
8. Quốc tịch tàu Flag State of ship		9. Tên thuyền trưởng Name of master
10. Cảng rời cuối cùng/cảng đích: Last port of call/next port of call		6. Thời gian đến/rời cảng Date - Time of arrival/departure
11. Giấy chứng nhận đăng ký (Số, ngày cấp, cảng) Certificate of registry (Port, date and number)		12. Tên và địa chỉ liên lạc của đại lý: Name and contact details of the ship agent
13. Tổng dung tích Gross tonnage	14. Dung tích có ích Net tonnage	
15. Vị trí tàu tại cảng: Position of the ship in the port (berth or station)		
16. Đặc điểm chính của chuyến đi (các cảng trước và các cảng sẽ đến, gạch chân các cảng sẽ dỡ hàng) Brief particulars of voyage (previous and subsequent port of call; underline where remaining cargo will be discharged)		
17. Mô tả tóm tắt về hàng hóa Brief description of the cargo		
18. Số thuyền viên (gồm cả thuyền trưởng) Number of crew (incl. Master)	19. Số hành khách Number of passenger	20. Ghi chú: Remarks
21. Tài liệu đính kèm (ghi rõ số bản) (*) Attached documents (indicate number of copies)		22. Yêu cầu về phương tiện tiếp nhận và xử lý chất thải The ship's requirements in terms of waste and residue reception facilities
Bản khai hàng hóa: Cargo Declaration	Danh sách hành khách Passenger List	, ngày..... tháng..... năm 20..... Date 23. THUYỀN TRƯỞNG (HOẶC ĐẠI LÝ) Master (or authorized agent or officer)
Bản khai Dự trữ của tàu Ship's Stores Declaration	Bản khai hành lý thuyền viên Crew's Effects Declaration	
Danh sách thuyền viên Crew List	Bản khai kiểm dịch y tế Health Quarantine Declaration	

(*) Mục này chỉ khai khi tàu đến cảng (only on arrival)

Mẫu số 2 - Phụ lục II

BẢN KHAI HÀNG HÓA Goods Declaration												
1. Tên tàu (Name and type of ship):		2. Đến/(Arrival) ☐		3. Rời/Departure ☐								
4. Quốc tịch tàu (Flag State of ship):		5. Cảng đến/rời (Port of arrival/departure)		6. Thời gian đến/rời cảng (Date - Time of arrival/departure):/...../..... (dd/mm/yyyy)								
7. Tên thuyền trưởng (Name of master)		8. Cảng rời cuối cùng/cảng đích (Last port of call/next port of call)		9. Tổng số kiện và loại kiện: Number and kind of packages.....								
THÔNG TIN HÀNG HÓA												
Vận đơn số* (10.) B/L No	Người gửi hàng (11.) Consigner	Người nhận hàng (12.) Consignee	Người được thông báo (13.) Notified party	Số hiệu container (14.) Cont's number	Số seal container (15.) Seal number	Mã hàng (nếu có) (16.) HS code If avail.	Tên hàng/mô tả hàng hóa (17.) Name, Discription of goods	Trọng lượng tịnh (nếu có) (18.) Net weight	Tổng trọng lượng (19.) Gross weight	Kích thước/ thể tích (20.) Dimension/ tonnage	Số tham chiếu manifest (21.) Ref. no manifest	Căn cứ hiệu chỉnh (22.) Adjustment basis

....., ngày..... tháng.....năm 20...
Date

23. THUYỀN TRƯỞNG (HOẶC ĐẠI LÝ)
Master (or authorized agent or officer)

Mẫu số 3 - Phụ lục II

VẬN ĐƠN GOM HÀNG (House bill of lading)							
1. Tên tàu (Name of ship)		2. Cảng xếp hàng (Port of load)		3. Cảng dỡ hàng (Port of unload)		4. Số vận đơn (Bill of lading number)	
5. Người gửi hàng (Consigner)		6. Cảng chuyển tải/quá cảnh (Port of tranship/transit)		7. Cảng giao hàng/cảng đích (Port of destination)		8. Ngày vận đơn (Date of bill of lading) (dd/mm/yyyy)	
						9. Ngày khởi hành Departure date (dd/mm/yyyy)	
10. Người nhận hàng (Consignee)							
STT	Mã hàng (HS code if avail.) (11)	Mô tả hàng hóa (Description of Goods) (12)	Tổng trọng lượng Gross weight (13)	Kích thước/thể tích Dimension/tonnage (14)	Số hiệu cont Cont. number (15)	Số seal cont Seal number (16)	
1							
2							
3							

....., ngày..... tháng năm.....
ĐẠI LÝ GIAO NHẬN
 (Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

Crew list

....., ngày..... tháng..... năm.....
Date

15. THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
Master (Authorized agent or officer)

BẢN KHAI HÀNH LÝ THUYỀN VIÊN
Crew's Effects Declaration

(*) Ví dụ: Rượu, cần, thuốc lá bao, thuốc lá sợi v.v...
e.g. wines, spirits, cigarettes, tobacco, etc...

9. THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
Master (Authorized agent or officer)

BẢN KHAI DỰ TRỮ TÀU
Ship's store declaration

[illegible]

Ngày tháng năm
Date

13. THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
Master (Authorized agent or officer)

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH PASSENGER LIST

[illegible]

....., ngày..... tháng..... năm.....

Date _____

18. THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)

Master (Authorized agent or officer)

Mẫu số 8 - Phụ lục II**BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM**
Dangerous goods manifest

1. Tên tàu:

2. Cảng nhận hàng

3. Quốc tịch tàu:

4. Cảng trả hàng

5. Tên thuyền trưởng:

6. Số hiệu container

7. Số seal container

Số vận đơn Booking/reference number (8)	Ký hiệu và số kiện Marks&numbers container ID, NO(s) Vehicle reg. No (s). (9)	Số và loại bao kiện Number and kind of packages (10)	Cty vận chuyển Proper shipping name (11)	Loại hàng hóa Class (12)	Số UN UN number (13)	Nhóm hàng Packing group (14)	Nhóm phụ số Subsidiary risk(s) (15)	Điểm bốc cháy Flash point (In oC, c.c.) (16)	Ô nhiễm biển Marine pollutant (17)	Tổng khối lượng Mass (kg) Gross/Net (18)	Vị trí xếp hàng Stowage position on board (19)

20. ĐẠI LÝ KÝ
Agent's signature**22. THUYỀN TRƯỞNG KÝ**
Master's signature**21. Địa điểm, thời gian**
Place and Date**23. Địa điểm, thời gian**
Place and Date

THÔNG BÁO HOÀN THÀNH THỦ TỤC HẢI QUAN TÀU

1. Số thông báo:
2. Ngày thông báo:
3. Chi cục Hải quan:
4. Tên doanh nghiệp:
5. Tên người khai hải quan:
6. Tên cảng vụ:
7. Tên phương tiện vận tải:
8. Quốc tịch phương tiện vận tải:

9. NỘI DUNG THÔNG BÁO

[illegible]

Mẫu số 11 - Phụ lục II

TÊN HÃNG TÀU/ĐẠI LÝ HÃNG TÀU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số fax:.....

Số:...../TB-(viết tắt tên hãng tàu/đại lý hãng tàu)

THÔNG BÁO
Xác nhận tàu đến cảng

Chúng tôi xin thông báo với Quý cơ quan về việc tàu đã hoàn tất các thủ tục thông quan và vào vị trí an toàn do Cảng vụ..... chỉ định, cụ thể như sau:

1. Tên tàu:.....

2. Quốc tịch tàu:.....

3. Tên thuyền trưởng/cơ trưởng:.....

4. Thời gian đến cảng:..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

Nơi nhận:

- Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng.....;

- Lưu VT,.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

Mẫu số 12 - Phụ lục II**TÊN HÃNG TÀU/ĐẠI LÝ
HÃNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa chỉ:.....
 Số điện thoại:..... Số fax:.....
 Số:...../TB-(viết tắt tên hãng tàu/đại lý hãng tàu)

THÔNG BÁO
Xác nhận tàu rời cảng

Chúng tôi xin thông báo với Quý cơ quan về việc tàu đã hoàn tất các thủ tục thông quan và đã rời cảng..., cụ thể như sau:

1. Tên tàu:.....
2. Quốc tịch tàu:.....
3. Tên thuyền trưởng/cơ trưởng:.....
4. Thời gian rời cảng:..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....

Nơi nhận:

- Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng.....;
- Lưu VT,.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

Mẫu 01/PQC - Phụ lục III	
CỤC HẢI QUAN..... CHI CỤC HẢI QUAN..... Số: /PC-CCHQ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
PHIẾU CHUYỂN HỒ SƠ TÀU CHUYỂN CẢNG	
1. Thông tin tàu và cửa khẩu xuất/nhập:	
1.1. Số thông báo tiếp nhận hồ sơ:	
1.2. Ngày tiếp nhận:../../..., giờ...	
1.3. Tên và loại tàu:	1.4. Quốc tịch tàu:
1.5. Tàu nhập cảnh tại cảng:..... hồi... giờ... phút, ngày../../...	
1.6. Tàu rời cảng:..... hồi... giờ... phút, ngày../../...	
2. Thành phần hồ sơ điện tử tàu chuyển cảng:	
2.1. Bản khai hàng hóa (phần hàng sẽ dỡ xuống cảng đến): ☐	
2.2. Bản khai chung: ☐	
2.3. Bản khai dự trữ của tàu: ☐	
2.4. Bản khai hàng hóa, hành lý thuyền viên: ☐	
2.5. Danh sách thuyền viên, hành khách (nếu có): ☐	
3. Thông tin hàng hóa vận chuyển trên tàu:	
3.1. Tình trạng hàng hóa (hàng container/hàng rời):.....	
3.2. Tình trạng niêm phong (nếu có):.....	
3.3. Hàng chuyển cảng có thay đổi phương tiện chuyên chở: tên, số hiệu phương tiện vận tải chuyên chở hàng hóa đến cảng đến.	
CHI CỤC HẢI QUAN CẢNG ĐI	
4. Hải quan cảng đến	
4.1. Tàu đến cảng đến:..... hồi... giờ... phút, ngày../../...	
4.2. Tình trạng hàng hóa trên tàu (nguyên vẹn, có thay đổi.....);.....	
CHI CỤC HẢI QUAN CẢNG ĐẾN	

Mẫu số 1 - Phụ lục IV**CARGO MANIFEST****I. C. A. O. ANNEX 9, APPENDIX 3****MARKS OF NATIONALITY****Point of Loading:****Point of Unloading:****OPERATOR:****Flight/Date:****A/C Reg:**

AWB Number	Pieces	Description	SHC	Status	Wt.(Kgs)	Org-Dest
BULK						
...						
...						
...						
BULK Total:	...				...	
ULD						
...						
...						
...						
ULD Total:	...				...	
Seg Total:	...				...	
Grand Total:	...				...	

User ID:.....

Date:.....

Report ID:.....

AIR WAY BILL

AWB No.		HAWB No.:.....															
Shipper's Name and Address			Shipper's Account Number			Not negotiable											
						Issued by											
						Copies 1,2 and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity.											
Consignee's Name and Address			Consignee's Account Number			It is agreed that the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF. ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. Shipper may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge if required.											
Issuing Carrier's Agent Name and City			Accounting Information														
Agent's IATA Code		Account No.															
Airport of Departure (Add. of First Carries) and Requested Flight						Reference Number				Optional Shipping Information							
To	By First Carrier	Routing and Destination		to	by	to	by	Currency	Chgs Code	WT VAL		Other		Declared Value for Carriage		Declared Value for Customs	
										PPD	COLL	PPD	COLL				
Airport of Destination			Requested Flight/Date			Amount of Insurance				INSURANCE - If carries offers insurance and such insurance is requested in accordance with the conditions thereof, indicate amount to be insured in figures in box marked Amount of Insurance.							
																SCI	
No. of Pieces RCP	Gross Weight	kg lb	Rate Class		Chargeable Weight	Rate / Charge	Total						Nature and Quantity of Goods (incl. Dimensions or Volume)				
			Commodity Item No.														
Prepaid		Weight		Collect		Other Charges											
		Valuation Charge															
		Tax															
		Total other Charges Due Agent				Shipper certifies that the particulars on the face hereof are correct and that insofar as any part of the consignment contains dangerous goods, such part is properly described by name and is in proper condition for carriage by air according to the applicable Dangerous Goods Regulations.											
		Total other Charges Due															
						Signature of Shipper or his											
Total prepaid		Total collect															
Currency Conversion Rates		Fee Charge in Dest. Currency															
						Executed on at (place) Signature of issuing Carrier or its											
For Carriers Use only at Destination		Charge at Destination		Total collect Charges													

Mẫu số 3 - Phụ lục IV**PASSENGER MANIFEST**

FLIGHT/DATE:...../..... AC REG:.....

FROM:.....

TO:.....

SEAT	GEN	NAME	NATIONAL	DOC NO
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
Total:				

Mẫu số 4 - Phụ lục IV**GENERAL DECLARATION
(OUTWARD/INWARD)**

OPERATOR:.....

MARKS OF NATIONALITY AND REGISTRATION:.....

FLIGHT NUMBER:..... DATE:.....

DEPARTURE FROM:.....

ARRIVAL AT:.....

FLIGHT ROUTING

PLACE FROM:.....

TO:.....

CREW LIST

NO.	...	NAME.
...	...	...
...	...	...
...	...	...

* TOTAL NUMBER OR CREW:

* NUMBER OF PASSENGERS ON THIS STAGE

DEPARTURE PLACE

EMBARKING:

THROUGH ON SAME FLIGHT:

ARRIVAL PLACE

DISEMBARKING:

THROUGH ON SAME FLIGHT:

* DECLARATION OF HEALTH

PERSONS ON BOARD WITH ILLNESSES OTHER THAN AIRSICKNESS OR THE EFFECTS OF ACCIDENTS, (INCLUDING PERSONS WITH SYMPTOMS OR SIGNS OF ILLNESSES SUCH AS RASH, FEVER, CHILLS, DIARRHOEA) AS WELL AS THOSE CASES OF ILLNESS DISEMBARKED DURING THE FLIGHT

.....
ANY OTHER CONDITIONS ON BOARD WHICH MAY LEAD TO THE SPREAD OF DISEASE.....

DETAILS OF EACH DISINSECTING OR SANITARY TREATMENT (PLACE, DATE, TIME, METHOD) DURING THE FLIGHT. IF NO DISINSECTING HAS BEEN CARRIED OUT DURING THE FLIGHT GIVE DETAILS OF MOST RECENT DISINSECTING.....

SIGNED, IF REQUIRED:

CREW MEMBER CONCERNED_____
FOR OFFICIAL USE ONLY

Mẫu số 5 - Phụ lục IV

CARGO MANIFEST**OWNER OR OPERATOR:****MARKS OF NATIONALITY AND REGISTRATION:****FLIGHT:****DATE:****POINT OF LOADING:****POINT OF UNLOADING:**

AWB NO	PCS	NATURE OF GOODS	FOR USE BY WEIGHT OWNER OR IN K/L OPERATOR ONLY	FOR OFFICIAL USE ONLY
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...
...	...	...	...	...

TOTAL PCS AND WEIGHT:.....

TOTAL NO. OF AWB:.....

G/TTL PCS AND WEIGHT:.....

G/TTL NO. OF AWB:.....

Mẫu số 6 - Phụ lục IV**CARGO MANIFEST****OWNER OR OPERATOR:****FLIGHT No./****MARKS OF NATIONALITY:****DATE:.....****POINT OF LOADING:****POINT OF UNLOADING:**

AirWayBill Number	Number of Packages	Nature of Goods	For Use by Owner or Operator only	For officer Use only
...				
...				
...				
...				
...				
...				
Total:	...		...	

**Mẫu số 1 - Phụ lục V**
TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM NHẬP - TÁI XUẤT
 (CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT AND RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the operator of means of transportation)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address: B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type: - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country: - Màu/color:.....; - Số chỗ ngồi/seats:.....; - Số khung/Chassis Serial No.:.....; - Số máy/Engine Serial No.:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20.....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người điều khiển/Driver Ký/Signature Ghi chú/Note: khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/supplemental Declaration (if any) in verso.	I. XÁC NHẬN TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu số 1 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tam nhập/tam xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:..... (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:..... (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20..... (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):..... /...../ 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu số 1 - Phụ lục V


TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM NHẬP - TÁI XUẤT
 (CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT AND RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 2: Bản cơ quan Hải quan lưu/Copy 2: Retained by Customs)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):...../...../20....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:..... B. Nhân dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Màu/color:.....; - Số chỗ ngồi/seats:.....; - Số khung/Chassis Serial No.:.....; - Số máy/Engine Serial No.:..... C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:..... D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam: ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:..... E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y)...../...../20.... Người điều khiển/Driver Ký/Signature 	I. XÁC NHẬN TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:..... Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20.... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:...../...../20.... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:..... Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)
Ghi chú/Note: khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/supplemental Declaration (if any) in verso.	

Mẫu số 1 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<u>1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có)</u> (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	<u>2. Xác nhận của công chức tiếp nhận:</u> (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):..... /..... / 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

**Mẫu số 1 - Phụ lục V****TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM XUẤT - TÁI NHẬP**

(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND RE-IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the operator of means of transportation)

Số tờ khai (Declaration No.):/TX/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):/...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Màu/color:.....; - Số chỗ ngồi/seats:.....; - Số khung/Chassis Serial No.:.....; - Số máy/Engine Serial No.:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Việt Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20.....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người điều khiển/Driver Ký/Signature 	I. XÁC NHẬN TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:; - Ngày:..... /...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)
Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.	

Mẫu số 1 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):..... /..... / 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)



TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TẠM XUẤT - TÁI NHẬP
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND RE-IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 2: Bản cơ quan Hải quan lưu/Copy 2: Retained by Customs)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TX/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

Mẫu số 1 - Phụ lục V

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Driver's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhân dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Màu/color:.....; - Số chỗ ngồi/seats:.....; - Số khung/Chassis Serial No.:.....; - Số máy/Engine Serial No.:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Driver is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Việt Nam:..... ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20.....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y):...../...../20..... Người điều khiển/Driver Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.	I. XÁC NHẬN TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tam nhập/tam xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):..... // 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

**Mẫu số 2 - Phụ lục V****TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TẠM NHẬP - TÁI XUẤT**
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT AND RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the Skipper/Master of ship)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhân dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Tải trọng/Loading Capacity:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam:..... ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20.....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.	I. XÁC NHẬN TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:..... /...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hải: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
<u>1. Thay đổi so với tam nhập/tam xuất (nếu có)</u> (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	<u>2. Xác nhận của công chức tiếp nhận:</u> (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):..... / / 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)



TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TẠM NHẬP - TÁI XUẤT
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY IMPORT AND RE-EXPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 2: Bản cơ quan Hải quan lưu/Copy 2: Retained by Customs)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TN/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

Mẫu số 2 - Phụ lục V

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Tải trọng/Loading Capacity:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan) /Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for being in Việt Nam:..... ngày/date; Ngày tái xuất/Re-exportation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái xuất/Exit Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20.....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y):...../...../20..... Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.	I. XÁC NHẬN TẠM NHẬP (TEMPORARY-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../ 20..... Ký, đóng dấu công chức: (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI XUẤT (RE-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái xuất:.....; - Ngày:..... /...../ 20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu số 2 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn :..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn:(Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):...../...../20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)



TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TẠM XUẤT - TÁI NHẬP
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND RE-IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 1: Bản giao người điều khiển phương tiện/Copy 1: For the Skipper/Master of ship)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TX/HQCK....., Ngày (date-d/m/y):...../...../20.....

Mẫu số 2 - Phụ lục V

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại/Type: - Nhãn hiệu/Label or mark :.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Tải trọng/Loading Capacity:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Việt Nam: ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:..... ngày:...../...../20.....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.	I. XÁC NHẬN TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu số 2 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỐ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):..... /..... / 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)



TỜ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TẠM XUẤT - TÁI NHẬP
(CUSTOMS DECLARATION FOR TEMPORARY EXPORT AND RE-IMPORT MEANS OF TRANSPORTATION)

(Liên 2: Bản cơ quan Hải quan lưu/Copy 2: Retained by Customs)

Số tờ khai (Declaration No.):...../TX/HQCK....., Ngày (date-d/m/y) :...../...../20....

Mẫu số 2 - Phụ lục V

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
A. Người điều khiển phương tiện/Skipper/Master's Detail: - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Hộ chiếu số/Passport No:.....; - Giấy thông hành số/Border Pass No:.....; + Ngày cấp/Issue Date:.....; + Nơi cấp/Issue Place:.....; - Địa chỉ/Address:.....; B. Nhận dạng phương tiện/Detail of means of transportation: - Loại /Type:.....; - Nhãn hiệu/Label or mark:.....; - Biển kiểm soát số/Licence Plate No:.....; - Nước đăng ký/Registering Country:.....; - Tải trọng/Loading Capacity:.....; C. Chủ sở hữu phương tiện/Owner of means of transportation: Khai báo, nếu người điều khiển không là chủ sở hữu phương tiện (gồm: cá nhân, công ty, cơ quan)/Full in, if Master is not the Owner of means of transportation (included: private, company, organization) + Họ và tên/Full name:.....; + Quốc tịch/Nationality:.....; + Địa chỉ/Address:.....; D. Giấy phép cho PTVT qua biên giới/Permitted Document of means of transportation: - Giấy phép qua biên giới số/Transit No:.....; - Ngày cấp/Issue date:.....; - Cơ quan cấp/Issue by:.....; - Thời hạn cho phép/Duration Allowed for going out Việt Nam:..... ngày/date; Ngày tái nhập/Re-importation date:.....; - Phạm vi hoạt động/Travelling Area:.....; - Cửa khẩu tái nhập/Entry Checkpoint:.....; E. Thông tin về hàng hóa, hành khách (informations of commodity, passengers): ☐ Hàng hóa/Commodity: - Tên hàng/goods name:.....; - Tờ khai hải quan số/declaration No:.....ngày:...../...../20....; ☐ Số lượng/numbers:..... khách/passengers; Ngày (date-d/m/y)...../...../20..... Người điều khiển/Skipper/Master Ký/Signature 	I. XÁC NHẬN TẠM XUẤT (TEMPORARY-EXPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) II. XÁC NHẬN TÁI NHẬP (RE-IMPORT) 1. Xác nhận của công chức tiếp nhận hồ sơ: (Authentication of customs documents receiver) - Cửa khẩu tái nhập:.....; - Ngày:...../...../20..... ☐ Miễn kiểm tra; ☐ Kiểm tra phương tiện vận tải; ☐ Khai bổ sung (nếu có); Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp) 2. Xác nhận của công chức kiểm tra, giám sát: (Authentication of examiner of means of transportation) ☐ Biên bản vi phạm (nếu có); Kết quả:.....; Phương tiện qua cửa khẩu hồi: giờ..... ngày...../...../20..... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)
Ghi chú/Note: Khai bổ sung (nếu có) ở trang sau/Supplemental Declaration (if any) in verso.	

Mẫu số 2 - Phụ lục V

PHẦN KHAI BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI
(SUPPLEMENTAL DECLARATION FOR MEANS OF TRANSPORTATION)

PHẦN NGƯỜI ĐIỀU KHIỂN KHAI BÁO (DECLARATION OF THE OPERATOR OF MEANS OF TRANSPORTATION)	PHẦN HẢI QUAN LÀM THỦ TỤC (FOR CUSTOMS USE)
1. Thay đổi so với tạm nhập/tạm xuất (nếu có) (Changes made to the means of transportation (if any)): a/ Thay người điều khiển PTVT (Change made to Operator of means of transportation): ☐ - Họ và tên/Full name:.....; - Quốc tịch/Nationality:.....; - Địa chỉ thường trú/Permanent residential address:.....; ; - Số Hộ chiếu hoặc Giấy thông hành:....., (Passport or Border-pass No.) + Ngày cấp (date of issue-d/m/y):...../...../20..... b/ Gia hạn thời hạn lưu hành PTVT (Extension of operation of means of transportation): ☐ - Văn bản gia hạn số:....., (No of permitted document allowing such extension) + Được phép lưu hành đến hết ngày:...../...../20....., (Duration of operation extended to) + Cơ quan gia hạn:..... (Authority allowing such extension): + Ngày cấp (date-d/m/y):...../...../20..... - Lý do gia hạn: (Reason(s) for such extension) + Sửa chữa (repair) ☐ + Tai nạn giao thông (accidents) ☐ + Lý do khác (other):..... Ngày (date-d/m/y)...../...../ 20..... Người khai báo (Customs declarant) Ký (Signature) Ghi rõ họ tên (Full name) 	2. Xác nhận của công chức tiếp nhận: (Authentication of customs documents receiver) - Về hồ sơ (Of dossiers)..... + Ngày (Date):...../...../ 20.... Ký, đóng dấu công chức (Signature and stamp)

Mẫu số 3 - Phụ lục V

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PYC-CCHQ

PHIẾU YÊU CẦU NGHIỆP VỤ
(PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI)

Hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm 20.....

Tôi là.....

Công chức hải quan....., đã tiếp nhận bộ hồ sơ hải quan của Công ty/ông (bà).....

qua xem xét bộ hồ sơ phương tiện vận tải và đối chiếu với các quy định hiện hành thì bộ hồ sơ của Công ty/ông (bà) chưa đủ điều kiện để làm thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải tạm nhập (nhập cảnh)/tạm xuất (xuất cảnh), yêu cầu Công ty/ông (bà) bổ sung/giải trình thêm:

- ☐ Giấy phép liên vận/Giấy chấp thuận (còn giá trị).
- ☐ Giấy đăng ký phương tiện.
- ☐ Giấy phép lái xe.
- ☐ Danh sách hành khách.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

CÔNG CHỨC HẢI QUAN YÊU CẦU
(Đóng dấu công chức)

Mẫu số 1 - Phụ lục VI

乘客名单

[illegible]

15. HẢI QUAN GA LIÊN VẬN QUỐC TẾ
(Ký hoặc đóng dấu)
国际站海关(签字或盖章)

Mẫu số 3 - Phụ lục VI

储备申报火车

[illegible]

15. HẢI QUAN GA LIÊN VẬN QUỐC TẾ
(Ký hoặc đóng dấu)
国际站海关(签字或盖章)

Mẫu số 4 - Phụ lục VI

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-CCHQ

BIÊN BẢN**Bàn giao hàng hóa nhập khẩu vận chuyển về Ga liên vận nội địa****I. Phần dành cho Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới nơi lập biên bản:**

Kính chuyển Chi cục Hải quan ga liên vận nội địa.....

Hàng hóa nhập khẩu được chuyển đến Chi cục để làm tiếp thủ tục hải quan.

Thời gian chuyển: hồi.... giờ.... ngày..../..../20.....

Dự kiến thời gian đến Chi cục hồi..... giờ.... ngày.... tháng.... năm 20.....

1. Hồ sơ bàn giao gồm:

a) Biên bản bàn giao hàng hóa nhập khẩu vận chuyển về ga liên vận nội địa:
 01 bản chính;

b) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga liên vận nội địa:
 01 bản chính;

c) Vận đơn dỡ hàng tại ga liên vận nội địa: 01 bản chụp (liên 2).

2. Hàng hóa gồm:

STT	Số hiệu toa xe	Số vận đơn	Tên hàng	Số lượng	Đơn vị tính	Số niêm phong hãng vận tải	Số niêm phong Hải quan (nếu có)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1								
2								
3								
...								

a) Tình trạng phương tiện vận tải:.....

b) Tình trạng hàng hóa:.....

II. Phần dành cho Chi cục Hải quan liên vận nội địa nơi tiếp nhận biên bản:

1. Thời gian tiếp nhận: hồi..... giờ.... ngày.... tháng.... năm.....

2. Xác nhận tình trạng thực tế về niêm phong của hãng vận tải và của hải quan (nếu có), tình trạng hàng hóa:

.....

CHI CỤC HQCK GA LIÊN VẬN BIÊN GIỚI

(Công chức ký tên, đóng dấu công chức)

CHI CỤC HQCK GA LIÊN VẬN NỘI ĐỊA

(Công chức ký tên, đóng dấu công chức)

BẢN TRÍCH LƯỢC KHAI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU TẠI GA ĐƯỜNG SẮT LIÊN VẬN QUỐC TẾ

STT	Nhãn hiệu tàu xuất cánh (1)	Số hiệu toa xe (2)	Số Vận đơn (3)	Số niêm phong		Ngày khởi hành (6)	Ga gửi hàng (7)	Ga đến (8)	Tên hàng (9)	Lượng hàng (10)	Đơn vị tính (11)	Ghi chú (12)
				Hải quan (4)	Hàng vận tải (5)							

....., Ngày..... tháng..... năm 20.....

(13) GA LIÊN VẬN NỘI ĐỊA

(Ký tên, đóng dấu)

....., Ngày..... tháng..... năm 20.....

(14) HẢI QUAN GA LIÊN VẬN NỘI ĐỊA

(Ký tên, đóng dấu công chức)

....., Ngày..... tháng..... năm 20.....

(15) HẢI QUAN GA LIÊN VẬN BIÊN GIỚI

(Ký tên, đóng dấu công chức)

Mẫu số 6 - Phụ lục VI

CỤC HẢI QUAN.....
CHI CỤC HẢI QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-CCHQ

BIÊN BẢN**Bàn giao hàng hóa xuất khẩu vận chuyển đến Ga liên vận biên giới****I. Phần dành cho Chi cục Hải quan ga liên vận nội địa nơi lập biên bản:**

Kính chuyển Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới.....

Hàng hóa xuất khẩu được chuyển đến Chi cục để làm tiếp thủ tục giám sát.

Thời gian chuyển: hồi..... giờ..... ngày...../...../20.....

Dự kiến thời gian đến Chi cục hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

1. Hồ sơ bàn giao gồm:

a) Biên bản bàn giao hàng hóa xuất khẩu vận chuyển đến ga liên vận biên giới:
 01 bản chính;

b) Bản trích lược khai hàng hóa xuất khẩu tại ga liên vận nội địa: 01 bản sao;

c) Vận đơn: 01 bản chụp (liên 2).

2. Hàng hóa gồm:

STT	Số hiệu toa xe	Số vận đơn	Tên hàng	Số lượng	Đơn vị tính	Số niêm phong hãng vận tải	Số niêm phong Hải quan (nếu có)	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1								
2								
3								
...								

a) Tình trạng phương tiện vận tải:.....

b) Tình trạng hàng hóa:.....

II. Phần dành cho Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới nơi tiếp nhận biên bản:

1. Thời gian tiếp nhận: hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm 20.....

2. Xác nhận tình trạng thực tế về niêm phong của hãng vận tải và hải quan (nếu có), tình trạng hàng hóa:

.....

CHI CỤC HQCK GA LIÊN VẬN NỘI ĐỊA
 (Công chức ký tên, đóng dấu công chức)

CHI CỤC HQCK GA LIÊN VẬN BIÊN GIỚI
 (Công chức ký tên, đóng dấu công chức)